

Bản án: 10/2022/HS-ST

Ngày: 23/02/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Thu Thủy

Ông: Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Như – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh N tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khánh Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2022/HSST ngày 24 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Xuân K sinh năm 1956 tại tỉnh T. Quê quán: Thôn A (nay là thôn Tây A) xã H, huyện H, tỉnh T. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: không xác định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân C (đã chết) và bà Lê Thị T (đã chết); vợ, con: không có; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 chị em; nhân thân: Ngày 31/3/1979, bị Ủy ban nhân dân tỉnh T ra Quyết định bắt cải tạo 03 năm tại Trại giam Nam Hà về hành vi: “Trộm cắp tài sản công dân”, đến năm 1982 thì chấp hành xong; Năm 1985, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình ra Quyết định bắt tập trung cải tạo 03 năm tại Trại giam Kim Sơn về hành vi “Trộm cắp tài sản công dân”, đến năm 1988 thì chấp hành xong; Ngày 14/9/1988, bị Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xử phạt 24 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 118/HSST ngày 14/9/1988. Khi đang chấp hành án tại Trại Tổng Lê Chân – Bộ Nội vụ đến ngày 20/9/1989 thì trốn trại (theo Lệnh truy nã số 50/TN ngày 20/9/1989 của Trại Tổng Lê Chân); Ngày 25/01/1991, bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh N tuyên phạt 18 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản công dân” và 24 tháng tù về tội: “Trốn khỏi nơi giam”. Chấp hành án tại Trại giam Nghĩa Hành, tỉnh N đến ngày 31/03/1992 thì bỏ trốn, đến ngày 06/4/1992 thì bị bắt; Ngày 11/5/1993, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 10 năm 03 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản công dân” theo bản án số 142/HSPT (Tổng hợp 02 năm tù về tội: “Trốn khỏi nơi giam”, 06 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản công dân” cộng với

27 tháng tù theo Bản án số 01 ngày 25/01/1991 của TAND huyện S). Chấp hành án tại Trại giam Gia Trung – Bộ Công an, đến ngày 07/10/2001 chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 13/6/2003, bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh N xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành án tại Trại giam Kim Sơn – Bộ Công an, đến ngày 01/01/2008 chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 27/10/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 07 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 171/2009/HSPT, chấp hành án phạt tù tại Trại giam Kim Sơn – Bộ Công an. Sau khi phát hiện bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt tù và có Lệnh truy nã của trại Tổng Lê Chân, đến ngày 30/5/2014, Tòa án nhân dân tỉnh N tổng hợp hình phạt theo Quyết định số 01/2014/QĐ-CA đối với Bản án số 118/HSST ngày 14/9/1988 của Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H và Bản án số 171/2009/HSPT ngày 27/10/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh N. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 02/7/2015, đến nay đã được xóa án tích; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố Q, tỉnh N. Ông T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Đinh Văn S, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố số 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh N. Ông H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 17 giờ 30 ngày 04/5/2021, **Lê Xuân K** đi bộ đến khu vực nghĩa địa Vườn Thị thuộc thôn L, xã Tịnh An, thành phố Q thì nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đen xám, BKS 76B1-423.73 của anh Nguyễn Đức T đang dựng trước cổng ra vào, không có người trông coi. Bị cáo K lén lút đi đến, dùng thanh sắt bẻ khóa điện sau đó điều khiển xe tẩu thoát về huyện B. Trên đường đi, bị cáo ném biển số 76B1-423.73 xuống cống nước (bị cáo không nhớ rõ địa điểm) rồi xin biển số 76C1-102.75 của một người bán đồng nát (không rõ lai lịch) để gắn lên xe để dùng làm phương tiện đi lại.

Đến ngày 04/7/2021, Lê Xuân K điều khiển xe mô tô trên đến nghĩa địa ở thôn B, xã T, huyện T để trộm cắp tài sản là lưới B40 của anh Đinh Văn S thì bị nhân dân bắt, giao cho Công an huyện T. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo K khai nhận nguồn gốc xe mô tô sử dụng làm phương tiện, công cụ đi trộm cắp lưới B40 là do trộm cắp ngày 04/5/2021 tại thôn L, xã Tịnh An, thành phố Q.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 07/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đen xám, BKS 76B1-423.73 có giá trị là **10.000.000** đồng (*Mười triệu đồng*). (Công an huyện T có Công văn số 1131/CAH-ĐTTH ngày 30/7/2021 thông báo về kết quả xác minh vụ việc trộm cắp tài sản ngày 04/7/2021 tại huyện T. Theo đó, tại bản Kết luận định giá tài sản số 09/KL- HĐĐGTS ngày 28/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định 01 đoạn lưới B40

bằng kim loại (khổ cao 1,2m, dài 13,5m, trọng lượng 36,5kg) do Lê Xuân K trộm cắp ngày 04/7/2021 tại huyện T có giá trị là **821.250** đồng (*Tám trăm hai mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng*).

Ngoài ra, Lê Xuân K còn khai nhận thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản khác là lưới B40 tại huyện B trong năm 2021 nhưng không nhớ rõ thời gian, địa điểm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã có văn bản phối hợp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để điều tra, xác minh. Ngày 10/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B có Công văn số 239/CSHS trả lời như sau: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B chưa nhận được báo cáo của công dân về việc mất tài sản lưới B40, đã xác minh tại các Công an xã và làm thông báo truy tìm bị hại nhưng chưa có kết quả.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu đen xám, số khung: 3240JY163687, số máy: E3X9E448838 cho anh Nguyễn Đức T, anh T đã nhận lại tài sản và không còn yêu cầu khác về dân sự. Biển số xe mô tô 76B1-423.73: Lê Xuân K khai đã gỡ và ném xuống cống nước trên tuyến đường từ xã Bình Nguyên về xã Bình Thạnh, huyện B. Bị cáo K cũng không nhớ rõ địa điểm ném nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở để truy tìm biển số xe trên.

Đối với biển số xe mô tô 76C1-102.75 bị cáo Lê Xuân K khai xin của một người bán đồng nát không rõ lai lịch. Theo kết quả phối hợp xác minh với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B thì: Biển số 76C1-102.75 là của xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại RSX, màu đen đỏ xám bạc, số khung: 5228CY738285, số máy: JC52E-5242776 do anh Trần Ngọc Huân đăng ký sở hữu. Anh H bị mất trộm xe mô tô trên vào năm 2017 tại huyện B, đã làm đơn báo cáo gửi cơ quan chức năng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã chuyển biển số 76C1-102.75 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B để xử lý theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại 01 đoạn lưới B40 bằng kim loại (khổ cao 1,2m, dài 13,5m, trọng lượng 36,5kg) cho ông Đinh Văn S. Ông S đã nhận tài sản và không còn yêu cầu khác về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT – VKS ngày 21 tháng 01 năm 2022 và tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Xuân K từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Tại phiên tòa bị hại ông Đinh Văn S khai đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu thêm về phần dân sự.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Ngọc Huân không có ý kiến gì và đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Xuân K là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức điều khiển được hành vi của mình, biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng lười lao động nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại từ ngày 04/05/2021 đến ngày 04/07/2021, bị cáo Lê Xuân K đã có hành vi lên lút chiếm đoạt xe mô tô SIRIUS màu đen xám, BKS 76B1-423.73 của anh Nguyễn Đức T tại thôn L, xã Tịnh An, thành phố Q có giá trị 10.000.000 đồng và 01 đoạn lưới B40 bằng kim loại của ông Đinh Văn S ở thôn Bình Đông, xã Trà Bình, huyện T có giá trị 821.250 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 10.821.250 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được Bộ luật Hình sự bảo vệ.

Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự xem thường pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự địa phương nên cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[3.1] Trong quá trình điều tra và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[3.3] Về nhân thân: Ngày 31/03/1979, bị Ủy ban nhân dân tỉnh T ra Quyết định bắt cải tạo 03 năm tại trại giam Nam Hà về hành vi: “Trộm cắp tài sản công dân”, đến năm 1982 thì chấp hành xong; Năm 1985, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình ra Quyết định bắt tập trung cải tạo 03 năm tại Trại giam Kim Sơn về hành vi “Trộm cắp tài sản công dân”, đến năm 1988 thì chấp hành xong; Ngày 14/9/1988, bị Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 118/HSST ngày 14/9/1988. Khi đang chấp hành án tại Trại Tổng Lê Chân – Bộ Nội vụ đến ngày 20/9/1989 thì trốn trại (theo Lệnh truy nã số 50/TN ngày 20/9/1989 của Trại Tổng Lê Chân); Ngày 25/01/1991, bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh N tuyên phạt 18 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản công dân” và 24 tháng tù về tội: “Trốn khỏi nơi giam”. Chấp hành án tại Trại giam Nghĩa Hành, tỉnh N đến ngày 31/02/1992 thì bỏ trốn, đến ngày 06/4/1992 thì bị bắt; Ngày 11/5/1993, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 10 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” theo bản án số 142/HSPT (Tổng hợp 02 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, 06 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản công dân” cộng với 27

tháng tù theo Bản án số 01 ngày 25/01/1991 của TAND huyện S). Chấp hành án tại Trại giam Gia Trung – Bộ Công an, đến ngày 07/10/2001 chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 13/6/2003, bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh N xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành án tại Trại giam Kim Sơn – Bộ Công an, đến ngày 01/01/2008 chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 27/10/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 07 năm tù tính từ ngày 25/09/2008 về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 171/2009/HSPT, chấp hành án phạt tù tại Trại giam Kim Sơn – Bộ Công an. Sau khi phát hiện bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt tù và có Lệnh truy nã của trại Tổng Lê Chân, đến ngày 30/05/2014, Tòa án nhân dân tỉnh N tổng hợp hình phạt theo Quyết định số 01/2014/QĐ-CA đối với Bản án số 118/HSST ngày 14/09/1988 của Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố C và Bản án số 171/2009/HSPT ngày 27/10/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh N. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 02/07/2015, đến nay đã được xóa án tích.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đề nghị mức hình phạt như trên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu đen xám, số khung: 3240JY163687, số máy: E3X9E448838 cho anh Nguyễn Đức T. Biển số xe mô tô 76B1-423.73 bị cáo Lê Xuân K khai đã gỡ và ném xuống cống nước trên tuyến đường từ xã Bình Nguyên về xã Bình Thạnh, huyện B. Bị cáo K cũng không nhớ rõ địa điểm ném nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở để truy tìm biển số xe trên.

Đối với biển số xe mô tô 76C1-102.75 bị cáo Lê Xuân K khai xin của một người bán đồng nát không rõ lai lịch. Theo kết quả phối hợp xác minh với Cơ quan Công an huyện B thì: Biển số 76C1-102.75 là của xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại RSX, màu đen đỏ xám bạc, số khung: 5228CY738285, số máy: JC52E-5242776 do anh Trần Ngọc Huấn đăng ký sở hữu. Anh H bị mất trộm xe mô tô trên vào năm 2017 tại huyện B, đã làm đơn báo cáo gửi cơ quan chức năng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã chuyển biển số 76C1-102.75 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B để xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại 01 đoạn lưới B40 bằng kim loại cho ông Đinh Văn S. Ông S đã nhận tài sản và không còn yêu cầu khác về dân sự.

[5] Về bồi thường dân sự: Anh T, ông S đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

[7] Tuyên quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Xuân K phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Lê Xuân K 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/07/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu đen xám, số khung: 3240JY163687, số máy: E3X9E448838 cho anh Nguyễn Đức T. Biển số xe mô tô 76B1-423.73 bị cáo Lê Xuân K khai đã gỡ và ném xuống cống nước trên tuyến đường từ xã Bình Nguyên về xã Bình Thạnh, huyện B. Bị cáo K cũng không nhớ rõ địa điểm ném nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở để truy tìm biển số xe trên.

Đối với biển số xe mô tô 76C1-102.75 bị cáo Lê Xuân K khai xin của một người bán đồng nát không rõ lai lịch. Theo kết quả phối hợp xác minh với Cơ quan Công an huyện B thì: Biển số 76C1-102.75 là của xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại RSX, màu đen đỏ xám bạc, số khung: 5228CY738285, số máy: JC52E-5242776 do anh Trần Ngọc Huân đăng ký sở hữu. Anh H bị mất trộm xe mô tô trên vào năm 2017 tại huyện B, đã làm đơn báo cáo gửi cơ quan chức năng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã chuyển biển số 76C1-102.75 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B để xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại 01 đoạn lưới B40 bằng kim loại cho ông Đinh Văn S. Ông S đã nhận tài sản và không còn yêu cầu khác về dân sự.

Về bồi thường dân sự: Anh T, ông S đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND TP.Q;
- CQ.CSĐT Công an TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Cơ quan THAHS CATP.Q;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ CATP.QNg;
- Sở Tư pháp tỉnh N;
- Người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túc

- Lưu hồ sơ, Ấn văn.

T